

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 67/2026/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận thỏa thuận của các đương sự giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; Trụ sở chính: 02 L, phường G, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Anh T, Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh S (theo quyết định số 2665/QĐ—NHN₀-PC ngày 01/12/2022). Ông Vũ Anh T ủy quyền lại cho ông Đinh Xuân T1, Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N chi nhánh S (theo văn bản ủy quyền ngày 21/4/2026).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thái B, sinh năm 1955 và bà Hồ Thị H, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn N, xã S, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Chí T2 sinh năm 1983, bà Võ Thị Thu K sinh năm 1984, bà Nguyễn Thị Mộng T3 sinh năm 1982, ông Nguyễn Văn T4 sinh năm 1977, bà Nguyễn Thị Q sinh năm 1974 và bà Bùi Thị Kim T5; cùng địa chỉ: Thôn N, xã S, tỉnh Đắk Lắk.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Vợ chồng ông Nguyễn Thái B và bà Hồ Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền 1.131.045.206đ (một tỷ một trăm ba mươi một triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm lẻ sáu đồng), trong đó nợ gốc 550.000.000đ, nợ lãi trong hạn 151.798.631đ, lãi quá hạn 429.246.575đ và lãi

phát sinh tiếp theo Hợp đồng tín dụng số 15/4/HĐTD ngày 14/4/2016 và Hợp đồng tín dụng số 4605LAV201801374 ngày 17/4/2018 kể từ ngày 22/8/2026 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Thái B và bà Hồ Thị H không trả hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp số 15/4 ngày 12/4/2016 để thu hồi nợ.

Ông Nguyễn Chí T2 và bà Võ Thị Thu K được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 141 tờ bản đồ 23 tại thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay thôn N, xã S, tỉnh Đắk Lắk).

Bà Nguyễn Thị Mộng T3 được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 438 tờ bản đồ 23 tại thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay thôn N, xã S, tỉnh Đắk Lắk).

Ông Nguyễn Văn T4 và bà Nguyễn Thị Q được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 171 tờ bản đồ 24 tại thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay thôn N, xã S, tỉnh Đắk Lắk).

Bà Bùi Thị Kim T5 được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 173 tờ bản đồ số 24 tại thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay thôn N, xã S, tỉnh Đắk Lắk).

Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Thái B và bà Hồ Thị H trả hết nợ thì Ngân hàng N có trách nhiệm giải chấp trả lại vợ chồng ông Nguyễn Thái B và bà Hồ Thị H các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 080432, số vào sổ 00626 QSDĐ/ do UBND huyện S cấp ngày 24/11/1996 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 080656, số vào sổ 01270 QSDĐ/ do UBND huyện S cấp ngày 20/6/1996 cho ông Nguyễn Thái B.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc là 17.946.920đ (mười bảy triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi đồng) nguyên đơn đã nộp tạm ứng và chi xong. Bị đơn ông Nguyễn Thái B và bà Hồ Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng N 17.946.920đ (mười bảy triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

- Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Thái B và bà Hồ Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N 22.537.000^d (hai mươi hai triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004365 ngày 20/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 15 – Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bàn Thị Tiên